

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 30 tháng 9 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 49

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai trăm hai mươi bảy (227) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Phước Vũ	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Chu	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành viên
Ông Trần Quốc Trí	Thành viên
Ông Lý Văn Xuân	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Vũ Nam	Trưởng ban
Ông Lê Đình Hạnh	Thành viên
Bà Đồng Thị Thanh Hằng	Thành viên

bổ nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2016

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Ngọc Chu	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Thanh Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quý	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Duy Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Phẩm	Phó Tổng Giám đốc

từ nhiệm ngày 20 tháng 1 năm 2016
bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2016
bổ nhiệm ngày 11 tháng 6 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Phước Vũ.

Ông Trần Ngọc Chu được Ông Lê Phước Vũ ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 theo Giấy Ủy quyền số 51/UQ/CT-HĐQT/2016 ngày 23 tháng 3 năm 2016.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc phê duyệt báo cáo tài chính riêng kèm theo. Báo cáo tài chính riêng này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 30 tháng 9 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 14.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

[Signature]

Ngày 15 tháng 12 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61183992/18452358

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") được lập ngày 15 tháng 12 năm 2016, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng, Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1772-2013-004-1

Nguyễn Thành Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

BÀNG CÂN ĐỔI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 30 tháng 9 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.766.755.498.915	5.189.362.855.705
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		447.518.356.022	233.828.787.007
111	1. Tiền	4	447.374.834.147	233.688.787.007
112	2. Các khoản tương đương tiền		143.521.875	140.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.734.790.808.631	2.188.495.464.154
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	1.986.659.007.410	1.657.213.337.129
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	74.284.302.601	25.367.450.024
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		400.000.000	100.400.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	6	678.251.101.185	408.561.090.078
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1, 6	(4.803.602.565)	(3.046.413.077)
140	III. Hàng tồn kho		3.169.484.056.346	2.281.126.058.437
141	1. Hàng tồn kho		3.182.457.071.559	2.293.735.295.317
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(12.973.015.213)	(12.609.236.880)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		414.962.277.916	485.912.546.107
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	63.632.969.870	55.062.184.992
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	351.329.308.046	430.850.361.115
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.113.482.116.707	3.758.038.912.478
210	I. Phải thu dài hạn		27.012.549.901	27.012.549.901
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	25.000.000.000	25.000.000.000
216	2. Phải thu dài hạn khác	6	2.012.549.901	2.012.549.901
220	II. Tài sản cố định		2.793.334.988.207	2.964.830.715.661
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.440.269.368.323	2.597.141.283.226
222	Nguyên giá		4.145.255.413.314	3.959.400.818.348
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.704.986.044.991)	(1.362.259.535.122)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	85.446.238.857	99.643.625.564
225	Nguyên giá		135.252.035.604	135.252.035.604
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(49.805.796.947)	(35.608.410.040)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	267.619.381.227	268.045.806.871
228	Nguyên giá		288.233.543.976	286.043.112.706
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.614.162.749)	(17.997.305.835)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		45.622.693.380	12.346.611.377
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	45.622.693.380	12.346.611.377
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.051.478.371.384	649.628.640.301
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	1.025.576.000.000	611.276.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	52.852.178.134	51.952.178.134
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	4.367.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	14.2	(26.949.806.750)	(17.966.537.833)
260	V. Tài sản dài hạn khác		196.033.513.835	104.220.395.238
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	131.621.472.215	64.337.078.607
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	64.412.041.620	39.883.316.631
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		10.880.237.615.622	8.947.401.768.183

BẢNG CÂN ĐỒI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.603.350.910.164	5.958.058.900.796
310	I. Nợ ngắn hạn		6.215.159.598.085	5.302.767.036.632
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15.1	1.501.886.154.837	555.161.842.884
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15.2	130.240.194.421	132.056.212.298
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	164.411.640.149	54.523.520.743
314	4. Phải trả người lao động		62.752.064.223	28.300.012.321
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	187.888.512.542	81.556.360.439
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	34.427.569.550	42.596.139.795
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	4.102.697.779.164	4.400.210.324.546
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		30.855.683.199	8.362.623.606
330	II. Nợ dài hạn		388.191.312.079	655.291.864.164
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	385.490.114.579	651.348.629.164
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		2.701.197.500	3.943.235.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		4.276.886.705.458	2.989.342.867.387
410	I. Vốn chủ sở hữu		4.276.886.705.458	2.989.342.867.387
411	1. Vốn cổ phần	20.1	1.965.398.290.000	1.007.907.900.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.965.398.290.000	1.007.907.900.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		551.571.933.521	487.290.470.363
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(52.113.695.510)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		-	8.525.313.060
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		6.784.575.670	6.605.155.369
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.753.131.906.267	1.531.127.724.105
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		177.198.643.612	843.069.931.334
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		1.575.933.262.655	688.057.792.771
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		10.880.237.615.622	8.947.401.768.183



Trần Công Tiến
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	30.259.054.800.256	31.157.314.338.362
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(105.803.558.650)	(36.219.065.104)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	30.153.251.241.606	31.121.095.273.258
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	(26.953.271.230.658)	(29.074.021.762.754)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.199.980.010.948	2.047.073.510.504
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	589.479.991.294	304.851.891.320
22	7. Chi phí tài chính	23	(209.784.749.306)	(379.883.551.601)
23	Trong đó: chi phí lãi vay		(163.766.749.605)	(180.561.247.510)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(974.622.573.218)	(727.052.217.691)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(724.634.725.092)	(417.829.755.541)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.880.417.954.626	827.159.876.991
31	11. Thu nhập khác		11.210.529.464	15.219.811.998
32	12. Chi phí khác		(23.493.402.813)	(16.617.762.624)
40	13. Lỗ khác		(12.282.873.349)	(1.397.950.626)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.868.135.081.277	825.761.926.365
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.2	(316.730.543.611)	(157.276.390.231)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.3	24.528.724.989	19.572.256.637
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.575.933.262.655	688.057.792.771

Trần Công Tiến
Người lập

Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng

Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 12	385.326.494.125	373.077.021.625
03	Các khoản dự phòng		11.104.236.738	24.133.763.632
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	23	4.354.280.912	38.895.143.213
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(558.086.065.677)	(275.290.397.527)
06	Chi phí lãi vay		163.766.749.605	206.026.054.089
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.874.600.776.980	1.192.603.511.397
09	Giảm các khoản phải thu		79.609.350.350	163.799.373.505
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(888.721.776.242)	1.417.961.613.884
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		1.115.842.465.230	(1.122.480.272.291)
12	Tăng chi phí trả trước		(72.363.512.787)	(2.592.658.493)
14	Tiền lãi vay đã trả		(164.756.559.795)	(205.180.180.696)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(271.132.777.209)	(148.083.149.484)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(32.821.856.159)	(42.436.850.728)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.640.256.110.368	1.253.591.387.094
21	II. LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(256.487.914.209)	(344.821.955.435)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		7.326.355.468	71.470.321.057
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(415.200.000.000)	(151.495.846.500)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.367.000.000	4.273.000.000
27	Tiền lãi đã nhận	21.2	8.515.622.891	3.792.978.396
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(651.478.935.850)	(416.781.502.482)

BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIẾU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
31	III. LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ		116.395.667.397	64.721.580.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(508.729)	(49.247.074)
33	Tiền thu từ đi vay		11.548.329.293.474	12.912.074.325.312
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(12.091.389.075.962)	(13.530.135.977.447)
35	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		(21.036.343.932)	(33.306.639.607)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	20.2	(327.038.699.875)	(144.058.665.375)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(774.739.667.627)	(730.754.624.191)
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		214.037.506.891	106.055.260.421
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		233.828.787.007	138.001.647.603
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(347.937.876)	(10.228.121.017)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	447.518.356.022	233.828.787.007



Trần Công Tiến
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng




Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNDKKD") số 3700381324 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 8 tháng 8 năm 2001 và các GCNDKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gồ thép, xà gồ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HSG theo Quyết định số 117/QĐ-SGDHCM ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 9 Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai trăm hai mươi bảy (227) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 4.536 (30 tháng 9 năm 2015: 3.966).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 16 công ty con, như sau:

- Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen ("HSS")

HSS là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNDKKD số 3700763651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 9 tháng 11 năm 2006 và các GCNDKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSS tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HSS trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSS (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

- Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen ("HSBM")

HSBM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNDKKD số 3500786179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNDKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSBM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBM trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBM (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

- Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định ("HSBD")

HSBD là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNDKKD số 4101425750 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 14 tháng 5 năm 2014. Trụ sở đăng ký của HSBD tọa lạc tại Lô A1.1 và TT 6.2 & 7 Khu Công nghiệp Nhơn Hòa, Phường Nhơn Hòa, Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSBD trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSBD (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải & Cơ khí Hoa Sen ("HTME")

HTME là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700785528 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 26 tháng 3 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HTME tọa lạc tại số 9 Đại Lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính của HTME trong năm hiện tại là cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HTME (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An ("HSNC")

HSNC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901722597 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSNC tọa lạc tại Lô C Khu Công nghiệp Nam Cẩm, Xã Nghi Xá, Huyện Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNC trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNC (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An ("HSNA")

HSNA là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901788319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 6 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Trụ sở đăng ký của HSNA tọa lạc tại Lô CN 1-8 Khu Công nghiệp Đông Hải, Xã Quỳnh Lập, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNA trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNA (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam ("HSHN")

HSHN là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0700759219 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Nam cấp ngày 15 tháng 9 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSHN tọa lạc tại Cụm Công Nghiệp Kiện Khê I, Thị trấn Kiện Khê, Huyện Thanh Liêm, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam. Hoạt động chính của HSHN trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSHN (30 tháng 9 năm 2015: 100%).

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định ("HSNH")

HSNH là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4101453370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định cấp ngày 26 tháng 11 năm 2015. Trụ sở đăng ký của HSNH tọa lạc tại Thôn Hội Sơn, Xã Nhơn Hội, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam. Hoạt động chính của HSNH trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSNH.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- ▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội ("HSVH")

HSVH là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861301 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSVH tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSVH trong năm hiện tại là kinh doanh bất động sản, và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSVH.

- ▶ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái ("HSYB")

HSYB là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 5200861319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 5 tháng 5 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSYB tọa lạc tại Tổ 48, Phường Đồng Tâm, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái, Việt Nam. Hoạt động chính của HSYB trong năm hiện tại là kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 70% vốn chủ sở hữu và 70% quyền biểu quyết trong HSYB.

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSRE")

HSRE là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607960 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSRE tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSRE trong năm hiện tại là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSRE.

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSCC")

HSCC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607946 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSCC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSCC trong năm hiện tại là sản xuất xi măng, vôi và thạch cao.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSCC.

- ▶ Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSIP")

HSIP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607978 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIP tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIP trong năm hiện tại là kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

- Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSSP")

HSSP là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSSP tọa lạc tại thôn Thương Diêm 2, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSSP trong năm hiện tại là đầu tư cảng sông, cảng biển.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSSP.

- Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận ("HSIC")

HSIC là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 4500607953 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSIC tọa lạc tại Khu Công nghiệp Hoa Sen Cà Ná, Xã Phước Diêm, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính của HSIC trong năm hiện tại là sản xuất sắt, thép và gang.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSIC.

- Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ ("HSPM")

HSPM là công ty TNHH một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502313442 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 8 tháng 8 năm 2016. Trụ sở đăng ký của HSPM tọa lạc tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính của HSPM trong năm hiện tại là sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2016, Công ty nắm giữ 100% vốn chủ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong HSPM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc vào ngày 30 tháng 9.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến việc áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính riêng năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 29.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu và xem xét liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất biến đổi trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty nhận chuyển nhượng hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng hữu hạn hoặc vô thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được trích hao mòn theo thời hạn thuê, trong khi quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	5 - 8 năm
Quyền sử dụng đất	14 - 55 năm
Phần mềm máy tính	3 - 10 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay, bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó..

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.15 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (được gọi là cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại), trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê tài sản

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	11.585.393.615	12.462.200.677	
Tiền gửi ngân hàng	385.789.440.532	221.226.586.330	
Tiền đang chuyển	50.000.000.000	-	
Các khoản tương đương tiền (*)	143.521.875	140.000.000	
TỔNG CỘNG	447.518.356.022	233.828.787.007	

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư tiền gửi có thời gian đáo hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.517.220.453.750	1.214.432.479.886	
Các bên khác	469.438.553.660	442.780.857.243	
TỔNG CỘNG	1.986.659.007.410	1.657.213.337.129	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(4.063.602.565)	(2.306.413.077)	
GIÁ TRỊ THUẦN	1.982.595.404.845	1.654.906.924.052	

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	6.795.198.682	6.458.860.936	
Các bên khác	67.489.103.919	18.908.589.088	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Cockerill Maintenance & Ingénierie (CMI S.A.)</i>	9.954.258.160	-	
<i>Khác</i>	57.534.845.759	18.908.589.088	
TỔNG CỘNG	74.284.302.601	25.367.450.024	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn			
Lợi nhuận được chia từ công ty con	509.778.179.025	273.424.302.385	
Tạm ứng để mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000	
Đặt cọc	53.187.465.900	23.632.000.000	
Tạm ứng cho nhân viên	19.858.438.997	6.177.558.073	
Khác	5.243.790.263	15.144.002.620	
Dài hạn	2.012.549.901	2.012.549.901	
Ký quỹ, ký cược	2.012.549.901	2.012.549.901	
TỔNG CỘNG	680.263.651.086	410.573.639.979	
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(740.000.000)	(740.000.000)	
GIÁ TRỊ THUẦN	679.523.651.086	409.833.639.979	
<i>Trong đó:</i>			
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	600.946.505.775	364.880.867.523	
Các bên khác	78.577.145.311	44.952.772.456	

7. HÀNG TỒN KHO

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	1.424.402.924.775	334.139.481.536	
Thành phẩm	992.881.622.867	1.209.216.110.982	
Nguyên vật liệu	305.548.805.026	346.651.367.414	
Hàng hóa	275.747.646.476	211.504.360.904	
Công cụ, dụng cụ	183.876.072.415	192.223.974.481	
TỔNG CỘNG	3.182.457.071.559	2.293.735.295.317	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.973.015.213)	(12.609.236.880)	
GIÁ TRỊ THUẦN	3.169.484.056.346	2.281.126.058.437	

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã dùng hàng tồn kho với giá trị ghi sổ vào ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 1.072.992.559.357 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	23.835.246.313	24.210.259.090
Chi phí thuê nhà xưởng	11.971.103.911	8.372.683.765
Chi phí công cụ, dụng cụ	12.457.928.551	10.307.348.223
Chi phí tư vấn	1.615.463.792	1.408.729.769
Chi phí bảo hiểm	1.082.517.262	1.310.876.033
Khác	12.670.710.041	9.452.288.112
Dài hạn		
Chi phí thuê văn phòng	65.147.659.827	5.895.995.809
Chi phí công cụ, dụng cụ	50.315.244.895	45.000.996.782
Chi phí sửa chữa	11.079.041.450	12.505.051.016
Khác	5.079.526.043	935.035.000
TỔNG CỘNG	195.254.442.085	119.399.263.599

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Số dư phải thu về cho vay dài hạn thể hiện số tiền cho Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An mượn, nhằm mục đích chi trả chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng tại Khu Công nghiệp Đông Hải, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Khoản cho mượn này là tín chấp, không chịu lãi suất và sẽ đến hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2018.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

B09-DN

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng	VND
Nguyên giá:							
Số đầu năm	621.660.819.138	3.064.331.212.467	242.213.491.285	12.374.597.617	18.820.697.841	3.959.400.818.348	
Mua mới trong năm	-	76.502.690.442	35.559.210.759	9.508.695.000	-	121.570.596.201	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	62.454.366.006	33.504.773.030	-	-	95.959.139.036	
Phân loại lại	(122.852.152)	101.029.970	(1.007.223.391)	-	-	(21.822.182)	
Thanh lý, nhượng bán	(1.445.715.000)	(29.133.800.698)	-	-	(66.579.000)	(31.653.318.089)	
Số cuối năm	620.092.251.986	3.174.255.498.187	310.270.251.683	21.883.292.617	18.754.118.841	4.145.255.413.314	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	694.323.419	284.604.251.798	19.148.920.529	1.170.977.398	113.339.238	305.731.812.382	
Giá trị khấu hao lũy kế:							
Số đầu năm	(180.824.570.224)	(1.114.545.060.787)	(52.389.277.920)	(3.729.674.354)	(10.770.951.837)	(1.362.259.535.122)	
Khấu hao trong năm	(38.385.886.558)	(294.945.297.549)	(29.710.062.247)	(2.686.664.614)	(2.784.339.336)	(368.512.250.304)	
Thanh lý, nhượng bán	913.215.000	24.422.555.144	383.391.291	-	66.579.000	25.785.740.435	
Số cuối năm	(218.297.241.782)	(1.385.067.803.192)	(81.715.948.876)	(6.416.338.968)	(13.488.712.173)	(1.704.986.044.991)	
Giá trị còn lại:							
Số đầu năm	440.836.248.914	1.949.786.151.680	189.824.213.365	8.644.923.263	8.049.746.004	2.597.141.283.226	
Số cuối năm	401.795.010.204	1.789.187.694.995	228.554.302.807	15.466.953.649	5.265.406.668	2.440.269.368.323	

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã dùng nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 128.729.561.149 VND và 143.059.312.618 VND để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm và cuối năm	114.919.308.334	20.332.727.270	135.252.035.604	
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Số đầu năm	(33.539.542.139)	(2.068.867.901)	(35.608.410.040)	
Khấu hao trong năm	(12.160.271.547)	(2.037.115.360)	(14.197.386.907)	
Số cuối năm	(45.699.813.686)	(4.105.983.261)	(49.805.796.947)	
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	81.379.766.195	18.263.859.369	99.643.625.564	
Số cuối năm	69.219.494.648	16.226.744.009	85.446.238.657	

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vì tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	284.698.354.995	1.344.757.711	286.043.112.706	
Tăng trong năm	2.190.431.270	-	2.190.431.270	
Số cuối năm	286.888.786.265	1.344.757.711	288.233.543.976	
Trong đó:				
Đã hao mòn hết	456.396.144	1.344.757.711	1.801.153.855	
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	(16.652.548.124)	(1.344.757.711)	(17.997.305.835)	
Hao mòn trong năm	(2.616.856.914)	-	(2.616.856.914)	
Số cuối năm	(19.269.405.038)	(1.344.757.711)	(20.614.162.749)	
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	268.045.806.871	-	268.045.806.871	
Số cuối năm	267.619.381.227	-	267.619.381.227	

Như được trình bày tại Thuyết minh số 19, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 221.542.152.270 VND để bảo đảm cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DÀNG

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Mua sắm tài sản cố định	42.037.817.373	6.853.861.204
Sửa chữa lớn tài sản cố định	3.031.321.051	4.036.803.273
Chi phí khác	553.554.956	1.455.946.900
TỔNG CỘNG	45.622.693.380	12.346.611.377

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào các công ty con (<i>Thuyết minh số 14.1</i>)	1.025.576.000.000	611.276.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 14.2</i>)	52.852.178.134	51.952.178.134
Đầu tư dài hạn khác	-	4.367.000.000
TỔNG CỘNG	1.078.428.178.134	667.595.178.134
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(26.949.806.750)	(17.966.537.833)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.051.478.371.384	649.628.640.301

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty con	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)		
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	100	280.000.000.000	100	280.000.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	100	300.000.000.000	100	80.000.000.000	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	100	150.000.000.000	100	150.000.000.000	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	100	55.000.000.000	100	55.000.000.000	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	100	30.000.000.000	100	30.000.000.000	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải & Cơ khí Hoa Sen	100	16.276.000.000	100	16.276.000.000	Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	100	136.000.000.000	-	-	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp bằng kim loại
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	100	50.000.000.000	-	-	Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép bằng nhựa và các sản phẩm ống thép
Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội	70	2.800.000.000	-	-	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	70	5.500.000.000	-	-	Tỉnh Yên Bái, Việt Nam	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu Trung tâm Thương mại
TỔNG CỘNG		1.025.576.000.000				611.276.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	45	51.952.178.134	45	51.952.178.134	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam	Cung cấp các dịch vụ đại lý vận tải biển
Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Vân	45	450.000.000	-	-	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45	450.000.000	-	-	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ hỗ trợ cho kinh doanh bất động sản
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(26.949.806.750)		(17.966.537.833)		
GIÁ TRỊ THUẬN		25.902.371.384		33.985.640.301		

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

15.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác		1.286.862.909.994	482.031.569.234
Trong đó:			
Ep Steel Trading Co., Ltd.		489.859.708.622	141.777.423.312
Baosteel Singapore Pte Ltd.		256.372.215.014	-
Hongkong Grand International Co., Ltd.		181.747.126.994	67.847.770.463
Khác		358.883.859.364	272.406.375.459
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)		215.023.244.843	73.130.273.650
TỔNG CỘNG		1.501.886.154.837	555.161.842.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

15.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên khác	121.845.912.372	130.555.900.033	
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 27</i>)	8.394.282.049	1.500.312.265	
TỔNG CỘNG	130.240.194.421	132.056.212.298	

16. THUẾ

	VND	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải trả					
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 26.2</i>)	39.779.435.531	316.730.543.611	(271.132.777.209)	85.377.201.933	
Thuế GTGT	13.754.684.828	1.098.488.017.878	(1.037.696.639.760)	74.546.062.946	
Thuế thu nhập cá nhân	987.443.384	25.691.230.682	(24.104.287.130)	2.574.386.936	
Các loại thuế khác	1.957.000	6.021.182.122	(4.109.150.788)	1.913.988.334	
TỔNG CỘNG	54.523.520.743	1.446.930.974.293	(1.337.042.854.887)	164.411.640.149	
Phải thu					
Thuế GTGT được khấu trừ	430.850.361.115	571.250.474.275	(650.771.527.344)	351.329.308.046	

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN

	VND	Số cuối năm	Số đầu năm
Thưởng và lương tháng 13	133.842.548.580	48.819.296.000	
Chi phí điện	9.619.132.214	11.090.213.768	
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.125.696.789	7.597.518.971	
Chi phí lãi vay	2.710.941.965	3.700.752.155	
Khác	34.590.192.994	10.348.579.545	
TỔNG CỘNG	187.888.512.542	81.556.360.439	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

18. PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận đặt cọc dự thầu	26.301.326.100	1.490.000.000
Phải trả cỗ tức	4.421.620.150	3.892.652.525
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	297.013.000	2.853.893.928
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 27)	1.009.084.000	2.233.267.935
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu	-	29.719.800.000
Các phải trả khác	2.398.526.300	2.406.525.407
TỔNG CỘNG	34.427.569.550	42.596.139.795

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	4.102.697.779.164	4.400.210.324.546
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	3.829.686.778.983	4.056.943.675.919
Nợ dài hạn thuê tài chính đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	255.864.471.340	302.800.960.695
Nợ dài hạn khác đến hạn trả	17.146.528.841	21.036.343.932
Vay từ bên liên quan (Thuyết minh số 27)	-	9.969.344.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	385.490.114.579	651.348.629.164
Vay từ ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	374.051.561.272	622.763.547.016
Nợ dài hạn thuê tài chính (Thuyết minh số 19.3)	11.438.553.307	28.585.082.148
TỔNG CỘNG	4.488.187.893.743	5.051.558.953.710

Tình hình tăng giảm các khoản vay và nợ thuê tài chính trong năm như sau:

	VND	
	Giá trị	
Số đầu năm	5.051.558.953.710	
Tiền thu từ đi vay	11.548.329.293.474	
Tiền chi trả nợ gốc vay	(12.112.425.419.894)	
Chênh lệch tỷ giá hồi đoái	725.066.453	
Số cuối năm	4.488.187.893.743	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
	VND		(%/năm)	

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương

Vay VND	609.524.423.267	Từ ngày 13 tháng 11 năm 2016 đến ngày 26 tháng 2 năm 2017	Từ 4,5 đến 4,7	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Vay USD	76.602.549.622	Ngày 28 tháng 2 năm 2017	1,6	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương

Vay VND	312.100.776.310	Từ ngày 18 tháng 11 năm 2016 đến ngày 12 tháng 12 năm 2016	Từ 4,0 đến 4,5	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Vay USD	1.120.512.959.036	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2016 đến ngày 28 tháng 2 năm 2017	Từ 1,1 đến 1,4	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị

Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương

Vay USD	310.635.603.614	Từ ngày 24 tháng 10 năm 2016 đến ngày 15 tháng 12 năm 2016	1,0	Quyền sử dụng đất và phương tiện vận tải
---------	-----------------	--	-----	--

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam

Vay VND	117.003.997.774	Từ ngày 17 tháng 11 năm 2016 đến ngày 22 tháng 1 năm 2017	Từ 4,4 đến 4,5	Tín chấp
---------	-----------------	---	-------------------	----------

Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Hồ Chí Minh

Vay VND	56.565.757.987	Ngày 5 tháng 12 năm 2016	4,1	Hàng tồn kho và máy móc, thiết bị
---------	----------------	-----------------------------	-----	--------------------------------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau (tiếp theo):

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
<i>Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam)</i>				
Vay VND	432.838.005.434	Từ ngày 1 tháng 10 năm 2016 đến ngày 3 tháng 12 năm 2016	Từ 4,0 đến 4,05	Quyền sử dụng đất
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>				
Vay VND	556.762.565.014	Từ ngày 14 tháng 11 năm 2016 đến ngày 28 tháng 2 năm 2017	Từ 4,5 đến 4,7	Tín chấp
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn</i>				
Vay VND	99.800.000.000	Từ ngày 21 tháng 10 năm 2016 đến ngày 30 tháng 11 năm 2016	Từ 4,0 đến 4,5	Tín chấp
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</i>				
Vay USD	67.886.940.450	Ngày 19 tháng 12 năm 2016	1,4	Tín chấp
<i>Ngân hàng UOB - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>				
Vay VND	69.453.200.475	Ngày 21 tháng 10 năm 2016	4,2	Hàng tồn kho
TỔNG CỘNG	<u>3.829.686.778.983</u>			

Công ty sử dụng các khoản vay ngắn hạn này cho mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương				
Vay VND	26.104.120.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2019	8,0	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Bản Việt				
Vay VND	54.624.410.000	Từ ngày 4 tháng 2 năm 2018 đến ngày 26 tháng 11 năm 2019	8,0	Phương tiện vận tải
Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận				
Vay VND	38.989.585.320	Từ ngày 26 tháng 6 năm 2018 đến ngày 17 tháng 6 năm 2020	8,0	Phương tiện vận tải
Ngân Hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Bình Dương				
Vay VND	419.924.771.861	Ngày 16 tháng 7 năm 2019	8,3	Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, vật kiến trúc và máy móc, thiết bị
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương				
Vay USD	30.489.125.436	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	1,7	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VND	29.224.019.995	Ngày 7 tháng 1 năm 2019	8,0	Quyền sử dụng đất, và phương tiện vận tải
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương				
Vay VND	30.560.000.000	Ngày 25 tháng 9 năm 2017	8,0	Quyền sử dụng đất và máy móc, thiết bị
TỔNG CỘNG	<u>629.916.032.612</u>			
<i>Trong đó:</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	255.864.471.340			
Vay dài hạn	374.051.561.272			

Công ty sử dụng các khoản vay dài hạn nhằm mục đích xây dựng và mua sắm tài sản cố định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo) vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Nợ thuê tài chính

Chi tiết các khoản nợ thuê tài chính như sau:

Công ty hiện đang thuê máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê tài chính. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

Số cuối năm		Số đầu năm		VND
Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính tối thiểu	
18.718.404.629	1.571.875.788	17.146.528.841	24.477.641.416	3.441.297.484
Nợ thuê tài chính ngắn hạn Đầu 1 năm				21.036.343.932
Nợ thuê tài chính dài hạn Từ 1-5 năm	12.229.792.718	791.239.411	11.438.553.307	31.093.925.619
TỔNG CỘNG	30.948.197.347	2.363.115.199	28.585.082.148	55.571.567.035
				5.950.140.955
				49.621.426.080
				28.585.082.148
				Nợ gốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÉNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Quỹ nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	VND
Năm trước									
Số đầu năm	1.007.907.900.000	451.543.290.363	(81.038.848.436)	-	8.525.313.060	13.278.012.117	1.022.418.679.462	2.422.634.346.566	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	688.057.792.771	688.057.792.771	
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-	(144.469.647.000)	(144.469.647.000)	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(49.247.074)	-	-	-	-	-	(49.247.074)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	35.747.180.000	28.974.400.000	-	-	-	-	-	64.721.580.000
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(16.413.694.648)	(16.413.694.648)	
Trích lập quỹ Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(18.465.406.480)	(18.465.406.480)	
Số cuối năm	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	-	8.525.313.060	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387	

(*) Trong năm, Công ty đã tái phát hành 1.600.000 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 40.500 VND/cổ phiếu, theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/NQHĐQT/2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	VND
Năm nay									
Số đầu năm (trình bày trước đây)	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	-	8.525.313.060	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387	
Số đầu năm (trình bày lại theo Thông tư 200 Thuyết minh số 29) Lợi nhuận thuần trong năm	1.007.907.900.000	487.290.470.363	(52.113.695.510)	8.525.313.060	-	6.605.155.369	1.531.127.724.105	2.989.342.867.387	
Trả cổ tức bằng cổ phiếu ("")	957.490.390.000	-	-	-	-	-	-	1.575.933.262.655	1.575.933.262.655
Cổ tức công bố	-	-	(508.729)	-	-	-	-	(957.490.390.000)	-
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(508.729)	-	-	-	(327.567.667.500)	(327.567.667.500)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ ("")	64.281.463.158	52.114.204.239	-	-	-	-	-	(508.729)	(508.729)
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	116.395.667.397	-
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(26.114.981.672)	(26.114.981.672)
Hoàn nhập quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Sử dụng quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	(29.199.934.080)	(29.199.934.080)
Thường hoán thành kế hoạch ("")	-	-	-	-	-	-	-	(21.902.000.000)	(21.902.000.000)
Số cuối năm	1.965.398.290.000	551.571.933.521	-	-	-	6.784.575.670	1.753.131.906.267	4.276.886.705.458	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

(*) Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCD/2015 ngày 19 tháng 1 năm 2015 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 64/NQ/HĐQT/2015 ngày 16 tháng 10 năm 2015 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 10:3 (phát hành 3 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu vào ngày 7 tháng 12 năm 2015 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành đợt 1 là 30.236.277 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tại ngày này vốn cổ phần của Công ty tăng 302.362.770.000 VND lên 1.310.270.670.000 VND. Công ty đã nhận được GCNĐKKD thay đổi lần thứ 25 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18 tháng 12 năm 2015 phản ánh việc tăng vốn này.

Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCD/2016 ngày 18 tháng 1 năm 2016 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 09/NQ/HĐQT/2016 ngày 4 tháng 3 năm 2016 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 cho các cổ đông hiện hữu, được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, với tỷ lệ thực hiện là 10:5 (phát hành 5 cổ phiếu mới cho mỗi 10 cổ phiếu đang được cổ đông nắm giữ). Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu vào ngày 1 tháng 6 năm 2016 với tổng số cổ phiếu được phát hành đợt 2 là 65.512.762 cổ phiếu với giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tại ngày này vốn cổ phần của Công ty tăng 655.127.620.000 VND lên 1.965.398.290.000 VND. Công ty đã nhận được GCNĐKKD thay đổi lần thứ 26 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 6 năm 2016 phản ánh việc tăng vốn này.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36/NQ/HĐQT/2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015, Công ty đã tái phát hành 2.877.692 cổ phiếu quỹ cho các cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 40.500 VNĐ/cổ phiếu vào ngày 7 tháng 10 năm 2015.

(***) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/NQ/ĐHĐCD/2015 ngày 19 tháng 1 năm 2015, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức thưởng hoàn thành kế hoạch là 3,4% lợi nhuận sau thuế.

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu			
Số đầu năm	1.007.907.900.000	1.007.907.900.000	
Tăng trong năm	957.490.390.000	-	
Số cuối năm	<u>1.965.398.290.000</u>	<u>1.007.907.900.000</u>	
Cổ tức			
Cổ tức đã công bố	327.567.667.500	144.469.647.000	
Cổ tức đã trả bằng tiền	327.038.699.875	144.058.665.375	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.3 Vốn cổ phần

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	196.539.829	100.790.790
Cổ phiếu quý		
Cổ phiếu phổ thông	-	(2.877.692)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	196.539.829	97.913.098

Cổ phiếu đã được phát hành của Công ty có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

21. DOANH THU

21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	30.259.054.800.256	31.157.314.338.362
Trong đó:		
Thành phẩm	14.948.831.938.260	16.293.231.194.980
Hàng hóa	15.099.244.760.060	14.661.767.800.386
Khác	210.978.101.936	202.315.342.996
Các khoản giảm trừ doanh thu	(105.803.558.650)	(36.219.065.104)
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	(89.757.637.334)	(8.533.133.954)
Giảm giá hàng bán	(10.157.008.501)	(5.924.601.756)
Hàng bán bị trả lại	(5.888.912.815)	(21.522.581.327)
Thuế xuất khẩu	-	(238.748.067)
DOANH THU THUẬN	30.153.251.241.606	31.121.095.273.258
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	14.878.268.074.336	15.103.574.577.423
Doanh thu với các bên liên quan	15.274.983.167.270	16.017.520.695.835

21.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận được chia	548.133.487.154	273.424.302.385
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	32.830.881.249	27.634.610.539
Thu nhập từ đầu tư tài chính	5.955.721.596	2.104.398.889
Thu nhập từ lãi tiền gửi	2.559.901.295	1.688.579.507
TỔNG CỘNG	589.479.991.294	304.851.891.320

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thành phẩm	12.214.685.246.583	14.508.854.195.691	
Hàng hóa	14.597.078.296.815	14.394.939.388.754	
Khác	141.507.687.260	170.228.178.309	
TỔNG CỘNG	26.953.271.230.658	29.074.021.762.754	

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	163.766.749.605	180.561.247.510	
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	32.680.449.872	149.632.722.662	
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.354.280.912	38.895.143.213	
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	8.983.268.917	10.794.438.216	
TỔNG CỘNG	209.784.749.306	379.883.551.601	

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	974.622.573.218	727.052.217.691	
Chi phí nhân viên	232.671.874.390	158.265.977.155	
Chi phí khấu hao và hao mòn	42.173.596.773	24.452.344.359	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	452.817.160.265	401.750.110.293	
Chi phí khác	246.959.941.790	142.583.785.884	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	724.634.725.092	417.829.755.541	
Chi phí nhân viên	382.214.003.741	223.018.743.751	
Chi phí khấu hao và hao mòn	30.677.554.848	26.986.385.237	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.063.731.011	30.797.481.362	
Chi phí khác	281.679.435.492	137.027.145.191	
TỔNG CỘNG	1.699.257.298.310	1.144.881.973.232	

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	11.213.306.244.528	12.937.726.814.892	
Chi phí nhân viên	724.705.315.960	482.362.995.143	
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	385.326.494.125	373.077.021.625	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	913.252.352.659	884.644.942.196	
Chi phí khác	791.794.434.019	578.528.959.461	
TỔNG CỘNG	14.028.384.841.291	15.256.340.733.317	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 10 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 20% cho kỳ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ phải chịu sự kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>VND</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	316.730.543.611	157.276.375.729	
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiểu năm trước	-	14.502	
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	<u>(24.528.724.989)</u>	<u>(19.572.256.637)</u>	
TỔNG CỘNG	292.201.818.622	137.704.133.594	

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận kế toán trước thuế được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và thu nhập chịu thuế:

	<i>VND</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.868.135.081.277	825.761.926.365	
Các điều chỉnh:			
Lợi nhuận được chia từ các công ty con	(548.133.487.154)	(273.424.302.385)	
Chi phí không được trừ	103.623.860.436	56.088.999.786	
Thay đổi chi phí trích trước	115.597.954.438	46.466.491.506	
Thay đổi các khoản dự phòng	9.862.199.238	23.506.237.382	
Thay đổi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(9.211.779.959)	6.588.906.387	
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(9.398.655.212)	32.542.601.776	
Khác	14.551.868.942	(2.638.243.869)	
Thu nhập chịu thuế ước tính	1.545.027.042.006	714.892.616.948	
Thuế TNDN phải trả ước tính	316.730.543.611	157.276.375.729	
Điều chỉnh thuế TNDN các năm trước	-	14.502	
Thuế TNDN phải trả ước tính	316.730.543.611	157.276.390.231	
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	39.779.435.531	30.586.194.784	
Thuế TNDN đã nộp trong năm	<u>(271.132.777.209)</u>	<u>(148.083.149.484)</u>	
Thuế TNDN phải trả cuối năm	85.377.201.933	39.779.435.531	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

26.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và các biến động so với năm trước như sau:

	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng			
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	12.352.884.544	14.232.615.587	(1.879.731.043)	5.736.110.832
Chi phí trích trước	37.498.959.182	14.379.368.294	23.119.590.888	8.784.691.302
Các khoản dự phòng	8.945.284.906	6.724.437.558	2.220.847.348	4.636.984.243
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	68.118.757	1.910.474.749	(1.842.355.992)	1.258.511.931
Khác	5.546.794.231	2.636.420.443	2.910.373.788	(844.041.671)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	64.412.041.620	39.883.316.631		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			24.528.724.989	19.572.256.637

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệ nghiệp	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một Thành viên Tân Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Cho thuê tài sản Chi phí chi hộ Lợi nhuận được chia Mua khí đốt	10.304.345.500.272 9.629.215.808.671 169.105.200.000 145.015.701.307 79.655.811.634 7.491.200.000	11.234.332.056.248 10.844.160.516.428 166.467.000.000 159.806.750.565 86.686.768.532 8.672.040.000
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng Mua hàng Lợi nhuận được chia Bán tài sản có định Hàng bán bị trả lại	3.188.289.759.622 2.791.794.909.369 357.177.111.985 2.631.860.000 1.115.427.301	3.437.005.655.887 3.222.009.427.842 166.481.143.413 65.609.370.516 14.279.444.060
Công ty TNHH Một Thành viên Văn tài và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Chi phí vận chuyển Mua hàng Cho thuê tài sản Lợi nhuận được chia Hoàn trả vay ngắn hạn	32.493.428.597 34.383.360.333 13.954.400.000 3.423.095.400 -	72.580.671.496 - 9.925.000.000 11.487.160.126 1.940.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cát Nghệ An	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Góp vốn Vay ngắn hạn Hoàn trả vay ngắn hạn Cho vay Thu tiền cho vay	435.450.834.190 33.806.898.516 - - - - -	183.215.681.661 114.496.402.408 30.000.000.000 19.500.000.000 19.500.000.000 11.000.000.000 11.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng Bán hàng Lợi nhuận được chia Góp vốn Cho vay Thu tiền cho vay	580.619.631.706 314.828.115.320 69.522.160.006 - - -	369.443.407.507 295.606.474.461 8.769.230.314 34.000.000.000 6.000.000.000 6.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

B09-DN

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệ vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Thu tiền cho vay Góp vốn	220.000.000.000 287.500.000.000	80.000.000.000
		Cho vay	187.500.000.000	-
		Bán hàng	825.719.284.191	100.000.000.000
		Mua hàng	383.536.049.083	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Góp vốn Bán hàng	136.000.000.000 2.212.334.024	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Góp vốn	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Văn Hội	Công ty con	Góp vốn	2.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Công ty con	Góp vốn	5.500.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng Chiết khấu thương mại Nhận dịch vụ	1.122.999.989.418 928.800.964.406 26.270.140.994 17.503.495.807	1.161.329.951.726 184.654.533.072 - 3.948.581.818
Công ty Cổ phần Tiếp vận và Cảng Quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty liên kết	Góp vốn	-	7.495.846.500
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt	Bên liên quan	Thu hồi vốn	4.367.000.000	4.273.000.000
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lại đất	-	60.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>				
Công ty TNHH Một Thành viên Tân Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	800.534.662.997	741.762.003.581
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	420.889.853.059	172.451.970
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	232.002.562.858	390.228.663.563
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Bán hàng	60.250.074.913	7.523.066.192
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Công ty con	Bán hàng	2.433.567.426	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	Công ty con	Bán hàng	496.554.009	-
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Bán hàng	27.493.400	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	Công ty con	Bán hàng	-	63.828.794.580
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Bán hàng	585.685.088	10.917.500.000
TỔNG CỘNG			1.517.220.453.750	1.214.432.479.886
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	1.303.140.682	6.458.860.936
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Trả trước	5.492.058.000	-
			6.795.198.682	6.458.860.936
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Cho vay	-	100.000.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Số cuối năm	VND Số đầu năm
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
Ông Hoàng Đức Huy	Phó Tổng Giám đốc	Üng trước tiền mua đất	90.183.227.000	90.183.227.000
Công ty TNHH Một Thành viên Tôn Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	79.655.811.634	864.322.260
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Chí hở	-	86.686.768.532
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Lợi nhuận được chia	357.177.111.985	408.316.578
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	Công ty con	Chí hở	5.000.000	166.481.143.413
Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chí hở	5.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu Liên hợp Luyện cán Thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chí hở	923.312.250	-
Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chí hở	5.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu Liên hợp nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chí hở	5.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Lợi nhuận được chia	3.423.095.400	11.487.160.126
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	Công ty con	Chí hở	36.787.500	699.300
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Lợi nhuận được chia	69.522.160.006	8.769.230.314
TỔNG CỘNG			600.946.505.775	364.880.867.523

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghịệp vụ	Số cuối năm	VNĐ	
				Số đầu năm	
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>					
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nam Cẩm Nghệ An	Công ty con	Mua hàng	128.981.860.181	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Bình Định	Công ty con	Mua hàng	56.093.633.619	27.695.981.378	
Công ty TNHH Một Thành viên Tân Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	14.500.000.000	11.100.000.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Mua hàng	9.331.853.822	34.196.348.287	
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Mua hàng	6.115.897.221	137.943.985	
TỔNG CỘNG			215.023.244.843		73.130.273.650
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>					
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Trả trước	8.394.282.049	1.500.312.265	
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>					
DNTN Kinh doanh Bất động sản Hương Sen	Bên liên quan	Trả lãi tiền mua đất	1.000.000.000	1.000.000.000	
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Thu hộ	784.000	-	
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch Hoa Sen	Bên liên quan	Thu hộ	2.300.000		
Công ty TNHH Một Thành viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Công ty con	Thu hộ	-	1.194.618.735	
Công ty TNHH Một Thành viên Tân Hoa Sen	Công ty con	Thu hộ	-	31.799.200	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	Công ty con	Thu hộ	6.000.000	-	
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nghệ An	Công ty con	Thu hộ	-	6.850.000	
TỔNG CỘNG			1.009.084.000		2.233.267.935
<i>Vay ngắn hạn từ bên liên quan</i>					
Công ty TNHH Một Thành viên Vận tải và Cơ khí Hoa Sen	Công ty con	Vay ngắn hạn	-	9.460.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

27. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết lương và thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm như sau:

	VND Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	13.233.255.424	8.118.957.415
Thưởng Ban Tổng Giám đốc	5.968.000.000	1.050.000.000
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	1.859.000.000	1.054.000.000
Thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	11.636.460.000	-
TỔNG CỘNG	32.696.715.424	10.222.957.415

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê đất và nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	75.550.440.800	34.785.802.868
Từ 1 tới 5 năm	266.600.521.480	102.023.130.333
Trên 5 năm	182.710.585.480	119.122.043.000
TỔNG CỘNG	524.861.547.760	255.930.976.201

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải thu tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	186.859.086.366	186.136.854.548
Từ 1 tới 5 năm	741.692.236.365	740.241.077.276
Trên 5 năm	593.967.700.000	754.538.300.000
TỔNG CỘNG	1.522.519.022.731	1.680.916.231.824

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại thời điểm 30 tháng 9 năm 2016, Công ty có khoản cam kết trị giá 200.919.905.078 VND (Ngày 30 tháng 9 năm 2015: 18.302.951.124 VND) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

28. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết góp vốn

Vào ngày 30 tháng 09 năm 2016, Công ty có các cam kết góp vốn vào công ty con và công ty liên kết nhưng chưa được góp đủ vốn được trình bày như sau:

	<i>Cam kết góp vốn</i>		<i>Thực góp</i>
	<i>Giá trị</i>	<i>% sở hữu</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Nhơn Hội – Bình Định	200.000.000.000	100%	136.000.000.000
Cty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Hà Nam	200.000.000.000	100%	50.000.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Vân Hội	70.000.000.000	70%	2.800.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	35.000.000.000	70%	5.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Năng lượng Tái tạo Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	20.000.000.000	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Xi Măng Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	30.000.000.000	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Hạ tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	50.000.000.000	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Cảng Tổng hợp Quốc tế Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	50.000.000.000	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Khu liên hợp luyện cán thép Hoa Sen Cà Ná – Ninh Thuận	100.000.000.000	100%	-
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Sen Phú Mỹ	50.000.000.000	100%	-
Công ty Cổ phần Hoa Sen Hội Vân	22.500.000.000	45%	450.000.000
Công ty Cổ phần Hoa Sen Quy Nhơn	45.000.000.000	45%	450.000.000
TỔNG CỘNG	872.500.000.000		195.200.000.000

29. PHÂN LOẠI LẠI SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG ĐO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2015 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính riêng của năm nay. Chi tiết như sau:

	<i>Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Ảnh hưởng của phân loại lại</i>	<i>Số đầu năm (được trình bày lại)</i>	<i>VND</i>
--	---	--	--	------------

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	100.400.000.000	100.400.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	498.630.282.005	(90.069.191.927)	408.561.090.078
Tài sản ngắn hạn khác	10.330.808.073	(10.330.808.073)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	25.000.000.000	25.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	25.000.000.000	(22.987.450.099)	2.012.549.901
Tài sản dài hạn khác	2.012.549.901	(2.012.549.901)	-
Quỹ dự phòng tài chính	8.525.313.060	(8.525.313.060)	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	8.525.313.060	8.525.313.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2016

29. PHÂN LOẠI LẠI SỔ LIỆU TƯƠNG ỨNG DO ÁP DỤNG THÔNG TƯ 200 (tiếp theo)

	Năm trước (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của phân loại lại	Năm trước (được trình bày lại)
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	31.133.878.040.825	23.436.297.537	31.157.314.338.362
Thu nhập khác	109.991.563.846	(94.771.751.848)	15.219.811.998
Chi phí khác	(87.953.216.935)	71.335.454.311	(16.617.762.624)

30. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu cần phải có các điều chỉnh hoặc thay đổi minh trong báo cáo tài chính riêng.



Trần Công Tiến
Người lập



Nguyễn Thị Ngọc Lan
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Chu
Tổng Giám đốc



Ngày 15 tháng 12 năm 2016